

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt và bà Huỳnh Thị Thuý Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1987;

Cư trú: 10/36, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1980;

Cư trú: 10/36, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà C và ông N do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 11/7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến nay thì phát sinh mâu thuẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay nhận thấy tình cảm đã không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà C và ông N có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Trân N1, sinh năm 2005 và Võ Lê Trân T, sinh ngày 29/4/2010, đối với cháu N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu T hiện do bà C nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Võ Văn N đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà C. Tại phiên tòa, ông Võ Văn N tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C. Về con chung, giao 01 (một) con chung tên Võ Lê Trân T, sinh ngày 29/4/2010 cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị C khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con với ông Võ Văn N. Ông Võ Văn N cư trú tại số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn bà Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Võ Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 11/7/2005, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, bà C xác định không còn tình cảm với ông N, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà C về tranh chấp ly hôn; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà C và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông N có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Trân N1, sinh năm 2005 và Võ Lê Trân T, sinh ngày 29/4/2010. Hiện con chung Võ Thị Trân N1 đã trưởng thành, nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với con chung tên Võ Lê Trân T, sinh ngày 29/4/2010, tại Biên bản ghi ý kiến con chung ngày 08/4/2025, cháu Võ Lê Trân T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là bà Lê Thị C. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho cháu Trân T phát triển tốt về mọi mặt khi ông C và bà N ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trân T cho bà C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Lê Trân T. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà C là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích khác của con, cơ quan có thẩm quyền; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đương sự có tranh chấp, thì khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C được ly hôn ông Võ Văn N.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Trân N1, sinh năm 2005 và Võ Lê Trân T, sinh ngày 29/4/2010. Bà C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Võ Lê Trân T.

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Lê Trân T. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích khác của con, cơ quan có thẩm quyền; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002442, ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị C và ông Võ Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên